



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026



CÔNG
TY CỔ
PHẦN
TÔN
ĐÔNG Á

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh,
L=ĐI AN, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN TÔN ĐÔNG Á,
OID.0.9.2342.19200300.100
.1.1=MST:3700255880
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2026.10.27 13:31:
55+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

THÁNG 10 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.701.078.063.603	8.798.956.721.212
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	387.297.273.253	603.288.009.544
Tiền	111		387.297.273.253	500.514.100.145
Các khoản tương đương tiền	112		-	102.773.909.399
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.358.498.212.548	2.815.017.120.457
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		3.358.498.212.548	2.815.017.120.457
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.696.264.735.204	1.648.412.514.057
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.674.385.517.353	1.660.573.238.116
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32.352.865.499	15.887.528.486
Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	18.812.365.795	3.281.554.368
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.3	(29.286.013.443)	(31.329.806.913)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	3.804.268.148.663	3.365.130.590.974
Hàng tồn kho	141		3.934.815.557.798	3.432.990.222.267
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(130.547.409.135)	(67.859.631.293)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		454.749.693.935	367.108.486.180
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7	20.780.398.888	19.613.833.999
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	V.15	433.951.865.047	347.213.822.794
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	V.15	17.430.000	280.829.387

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.064.647.135.561	2.677.025.742.721
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.5	5.374.160.000	5.379.160.000
Phải thu dài hạn khác	215		5.374.160.000	5.379.160.000
II. Tài sản cố định	220		1.419.873.877.942	1.567.989.488.245
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.292.695.610.704	1.444.054.635.873
- Nguyên giá	222		4.379.871.152.666	4.372.017.625.649
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(3.087.175.541.962)	(2.927.962.989.776)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	127.178.267.238	123.934.852.372
- Nguyên giá	228		147.452.351.227	142.870.576.227
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(20.274.083.989)	(18.935.723.855)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.10	49.128.582.057	21.578.389.943
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		49.128.582.057	21.578.389.943
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.246.988.618.949	763.258.775.113
Đầu tư vào công ty con	261	V.11	1.175.217.454.564	497.980.561.414
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2	71.771.164.385	265.278.213.699
VII. Tài sản dài hạn khác	270		343.281.896.613	318.819.929.420
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	312.045.242.921	300.305.379.038
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		31.236.653.692	18.514.550.382
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		12.765.725.199.164	11.475.982.463.933

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.927.808.600.354	7.676.044.136.537
I. Nợ ngắn hạn	310		8.852.418.511.446	7.651.960.950.487
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.848.546.557.305	1.406.140.138.915
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	51.199.539.921	34.254.158.912
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	149.371.738.500	284.287.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	70.117.553.062	85.001.580.952
Phải trả người lao động	315		21.182.154.935	26.226.612.129
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	11.552.613.269	9.000.538.391
Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	6.834.063.060	5.763.760.808
Vay ngắn hạn	321	V.19	5.645.426.216.610	6.040.459.923.050
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	48.188.074.784	44.829.949.830
II. Nợ dài hạn	330		75.390.088.908	24.083.186.050
Vay dài hạn	339	V.19	19.704.424.946	24.083.186.050
Trái phiếu chuyển đổi	340	V.20	55.685.663.962	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	3.837.916.598.810	3.799.938.327.396
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.490.988.510.000	1.490.988.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.490.988.510.000	1.490.988.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Vốn khác của chủ sở hữu	414		149.098.851.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.358.030.203.855	1.469.150.783.441
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		1.149.892.071.176	1.237.158.307.108
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		208.138.132.679	231.992.476.333
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.765.725.199.164	11.475.982.463.933

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

DS

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

[Signature]

Trần Lệ Xuân

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước



TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU

ISO 9001

ISO 14001

ISO 50001

ISO 14067

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B02 - DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.755.342.443.629	3.703.717.136.284	12.281.564.225.263	11.904.100.488.819
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	166.162.437	6.740.631.092	2.649.236.801	12.274.216.443
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	4.755.176.281.192	3.696.976.505.192	12.278.914.988.462	11.891.826.272.376
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	4.357.825.940.642	3.506.220.551.327	11.437.284.199.878	11.101.398.239.720
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		397.350.340.550	190.755.953.865	841.630.788.584	790.428.032.656
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.1	65.299.079.203	86.814.198.958	213.243.453.289	249.792.309.419
8. Chi phí tài chính	23	VI.3	115.309.633.043	82.223.424.971	299.310.896.240	284.471.831.829
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		104.132.046.126	63.560.178.780	280.188.516.205	196.535.769.142
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	232.878.771.520	84.857.767.397	427.453.613.016	449.520.183.775
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	27.980.650.446	22.484.191.656	63.772.544.263	62.349.627.224
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - (23 + 25 + 26)}	30		86.480.364.744	88.004.768.799	264.337.188.354	243.878.699.247
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.874.534.754	2.199.985.168	5.090.737.419	5.297.336.889
13. Chi phí khác	32	VI.6	1.112.415.549	749	4.285.494.966	674.421.258
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		762.119.205	2.199.984.419	805.242.453	4.622.915.631
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		87.242.483.949	90.204.753.218	265.142.430.807	248.501.614.878
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	26.938.514.559	18.744.357.308	69.726.401.438	24.313.181.671
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	(7.394.319.318)	652.846.016	(12.722.103.310)	29.024.420.357
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		67.698.288.708	70.807.549.894	208.138.132.679	195.164.012.850

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN
 (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1	265.142.430.807	248.501.614.878
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn tài sản	2	166.957.236.099	165.420.000.249
Trích lập (Hoàn nhập) các khoản dự phòng	3	60.643.984.372	(142.414.459.934)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(2.663.694.829)	(3.635.291.030)
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	5	(200.328.823.542)	(158.653.639.241)
Chi phí đi vay	6	280.188.516.205	196.535.769.142
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	569.939.649.112	305.753.994.064
Tăng các khoản phải thu	9	(97.059.125.111)	(381.255.616.290)
Tăng (Giảm) hàng tồn kho	10	(501.825.335.531)	1.767.262.835.505
Tăng (Giảm) các khoản phải trả	11	1.410.618.946.229	(669.000.723.629)
Tăng (Giảm) chi phí chờ phân bổ	12	(17.093.123.940)	12.299.749.428
Tiền lãi vay đã trả	14	(277.453.694.652)	(208.246.536.203)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38.519.605.810)	(108.384.320.466)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.201.273.153)	(18.817.778.440)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20	1.033.406.437.144	699.611.603.969
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(42.213.988.479)	(40.303.321.850)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	621.281.145	66.666.666
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(5.880.817.056.523)	(6.353.750.807.268)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	5.505.525.667.215	6.460.657.248.084
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(677.236.893.150)	(212.400.000.000)
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	188.259.365.632	188.691.727.757
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	30	(905.861.624.160)	42.961.513.389

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	344.073.410.000
Tiền thu từ đi vay	33	8.875.420.933.606	10.389.211.809.003
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.218.401.586.268)	(11.251.907.492.181)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.400.000)	(458.758.745.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	40	(342.992.052.662)	(977.381.018.178)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(215.447.239.678)	(234.807.900.820)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	603.288.009.544	766.408.753.421
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(543.496.613)	104.634.517
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	387.297.273.253	531.705.487.118

Người lập biểu

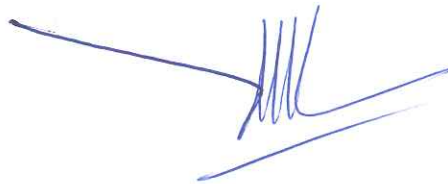
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất các sản phẩm thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán các sản phẩm thép, vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp và vận chuyển hàng hóa đường bộ.

2. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.

3. Mô hình hoạt động:

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Số 21 - 23 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 là: 1.042 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.047 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có Tám (8) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô D, Đường số 4, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công ty TNHH Logistics Hưng Việt Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công ty TNHH Đông Á – Phú Mỹ Địa Chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ 1 Địa chỉ: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
7. PT Indo Vina Steel Địa Chỉ: Số 91, Đường Tanah Abang II, Xã/Khu phố Cideng, Quận Gambir, Thành phố Jakarta Trung tâm Hành chính, Tỉnh DKI Jakarta	51	51
8. Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đông Á Địa Chỉ: 18 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế Toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho trên cơ sở số lượng và giá trị hàng tồn kho cuối kỳ. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất. kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.
	- Khi tính giá thành thành phẩm, nguyên liệu, vật liệu được phân bổ theo định mức tiêu hao.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn

Mức trích lập dự phòng
(% giá trị khoản phải thu)

Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. TSCĐ vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí quảng cáo dùng trong nhiều năm; và
- ▶ v.v.

Tiền thuê đất chờ phân bổ

Tiền thuê đất chờ phân bổ bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 38 và 44 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

11. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

12. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (sau đây gọi tắt là tỷ giá xấp xỉ).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

15. Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông phần có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

16. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

19. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

21. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	45.243.062	50.401.849
Tiền gửi không kỳ hạn	387.252.030.191	500.463.698.296
Các khoản tương đương tiền	-	102.773.909.399
TỔNG CỘNG	387.297.273.253	603.288.009.544

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Cho vay	493.358.778.631	89.228.944.014
<i>Công Ty thành viên</i>	493.358.778.631	-
<i>Khác</i>	-	89.228.944.014
Tiền gửi có kỳ hạn	472.590.598.631	250.848.967.313
Trái phiếu	2.392.548.835.286	2.474.939.209.130
CỘNG	3.358.498.212.548	2.815.017.120.457
Dài hạn		
Trái phiếu	71.771.164.385	265.278.213.699
CỘNG	71.771.164.385	265.278.213.699
TỔNG CỘNG	3.430.269.376.933	3.080.295.334.156

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	84.807.492.586	135.212.477.639
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	144.026.213.975	148.886.962.514
Duferco Sa	301.292.923.135	18.051.516.416
Phải thu khách hàng khác	886.314.097.499	823.265.433.396
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh VII</i>)	257.944.790.158	535.156.848.151
TỔNG CỘNG	1.674.385.517.353	1.660.573.238.116
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(29.286.013.443)	(31.329.806.913)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.645.099.503.910	1.629.243.431.203

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày
4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Xây		
Dụng Hưng Phú	8.137.249.193	6.708.044.950
Công ty CP Công Nghệ Bách Việt	1.518.710.900	3.165.018.600
Nhà cung cấp khác	22.696.905.406	6.014.464.936
CỘNG	32.352.865.499	15.887.528.486

5. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	16.018.220.734	3.134.768.250
Phải thu chi hộ	132.000.000	132.000.000
Tạm ứng	1.759.308.722	11.812.340
Khác	902.836.339	2.973.778
CỘNG	18.812.365.795	3.281.554.368
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược khác	784.160.000	789.160.000
Ký quỹ, ký cược bên liên quan (Thuyết minh VII)	4.590.000.000	4.590.000.000
CỘNG	5.374.160.000	5.379.160.000
TỔNG CỘNG	24.186.525.795	8.660.714.368

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Thành phẩm	2.089.536.838.754	1.912.177.209.892
Nguyên liệu, vật liệu	1.412.348.786.679	1.008.321.760.760
Hàng đang đi trên đường	279.890.135.623	470.467.000.242
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.639.281.854	40.625.474.420
Công cụ, dụng cụ	2.488.747.833	654.137.545
Hàng hoá	109.911.767.055	744.639.408
TỔNG CỘNG	3.934.815.557.798	3.432.990.222.267
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(130.547.409.135)	(67.859.631.293)
Giá trị thuần	3.804.268.148.663	3.365.130.590.974

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Số đầu kỳ	67.859.631.293	250.716.609.625
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	130.547.409.135	107.295.404.692
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(67.859.631.293)	(250.716.609.625)
Số cuối kỳ	130.547.409.135	107.295.404.692

7. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	20.780.398.888	19.613.833.999
Công cụ, dụng cụ đang dùng	15.375.259.792	12.808.313.190
Khác	5.405.139.096	6.805.520.809
Dài hạn	312.045.242.921	300.305.379.038
Tiền thuê đất trả trước (*)	159.786.118.351	163.972.813.519
Công cụ, dụng cụ đang dùng	105.610.938.210	89.494.697.239
Khác	46.648.186.360	46.837.868.280
TỔNG CỘNG	332.825.641.809	319.919.213.037

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2026	712.907.361.709	3.495.349.539.669	144.505.062.009	19.255.662.262	4.372.017.625.649
Mua trong kỳ	609.890.580	6.943.630.785	1.088.000.000	1.440.500.000	10.082.021.365
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	(626.916.167)	(1.601.578.181)	-	(2.228.494.348)
Tại ngày 30/09/2026	713.517.252.289	3.501.666.254.287	143.991.483.828	20.696.162.262	4.379.871.152.666
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	41.308.667.264	1.239.158.144.880	58.913.173.927	15.398.561.388	1.354.778.547.459
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 01/01/2026	285.336.330.655	2.501.949.953.266	124.896.511.392	15.780.194.463	2.927.962.989.776
Khấu hao trong kỳ	23.158.441.824	130.379.709.743	7.218.051.675	675.977.555	161.432.180.797
Thanh lý	-	(618.050.430)	(1.601.578.181)	-	(2.219.628.611)
Tại ngày 30/09/2026	308.494.772.479	2.631.711.612.579	130.512.984.886	16.456.172.018	3.087.175.541.962
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2026	427.571.031.054	993.399.586.403	19.608.550.617	3.475.467.799	1.444.054.635.873
Tại ngày 30/09/2026	405.022.479.810	869.954.641.708	13.478.498.942	4.239.990.244	1.292.695.610.704

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	117.526.300.000	25.344.276.227	142.870.576.227
Mua mới	-	3.221.775.000	3.221.775.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.360.000.000	1.360.000.000
Tại ngày 30/09/2026	117.526.300.000	29.926.051.227	147.452.351.227
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	16.144.726.727	16.144.726.727
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	-	18.935.723.855	18.935.723.855
Hao mòn trong kỳ	-	1.338.360.134	1.338.360.134
Tại ngày 30/09/2026	-	20.274.083.989	20.274.083.989
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	117.526.300.000	6.408.552.372	123.934.852.372
Tại ngày 30/09/2026	117.526.300.000	9.651.967.238	127.178.267.238

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Cải tạo văn phòng đại diện	24.379.362.314	20.218.389.943
Khác	24.749.219.743	1.360.000.000
TỔNG CỘNG	49.128.582.057	21.578.389.943

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
	Giá gốc	Giá gốc
	% sở hữu	% sở hữu
Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An	43.000.000.000 100	43.000.000.000 100
Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng	50.000.000.000 100	50.000.000.000 100
Công ty TNHH Logistics Hưng Việt	50.000.000.000 100	50.000.000.000 100
Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh	9.000.000.000 100	9.000.000.000 100
Công ty TNHH Đông Á – Phú Mỹ	585.000.000.000 100	210.000.000.000 100
Công ty TNHH MTV Đông Á – Phú Mỹ 1	110.000.000.000 100	110.000.000.000 100
Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đông Á	300.000.000.000 100	- -
PT Indo Vina Steel	28.217.454.564 51	25.980.561.414 51
TỔNG CỘNG	1.175.217.454.564	497.980.561.414

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	83.565.292.972	93.954.452.418
Công ty TNHH KCC (Việt Nam)	62.672.115.724	63.517.219.982
Jfe Shoji Corporation	385.353.589.226	132.138.569.750
Phải trả cho người bán Khác	695.572.298.793	204.217.162.378
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	1.621.383.260.590	912.312.734.387
TỔNG CỘNG	2.848.546.557.305	1.406.140.138.915

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Hanwa Singapore (Private) Limited	-	10.222.917.433
H.S.I.I CO., LTD.	-	7.659.454.160
LLC Max Trade Group	2.704.482.703	3.367.568.059
LLC Dives-Plus	-	3.676.265.081
Artsteel Canada Inc	7.817.997.525	-
Padma Chitta Jnana PTE. LTD.	13.168.342.073	-
Koop Sheet Metal	13.143.672.315	-
Người mua trả tiền trước khác	14.299.748.245	9.327.954.179
Người mua trả tiền trước cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	65.297.060	-
TỔNG CỘNG	51.199.539.921	34.254.158.912

14. PHẢI TRẢ VỀ CỔ TỨC

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
<i>Lợi nhuận thuộc năm tài chính</i>		
2025	149.371.738.500	-
2024	-	241.300.000
2022	-	13.585.000
2021	-	22.610.000
2019	-	6.792.500
TỔNG CỘNG	149.371.738.500	284.287.500

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư tại ngày 01/01/2026	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND Số dư tại ngày 30/09/2026
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	347.213.822.794	1.148.228.253.610	1.061.490.211.357	433.951.865.047
Thuế Thu nhập cá nhân	280.829.387	-	280.829.387	-
Khác	-	20.930.000	3.500.000	17.430.000
TỔNG CỘNG	347.494.652.181	1.148.249.183.610	1.061.774.540.744	433.969.295.047
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.519.605.810	69.726.401.438	38.519.605.810	69.726.401.438
Thuế giá trị gia tăng	43.499.265.796	1.097.157.867.909	1.140.651.218.817	5.914.888
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.979.660.066	4.594.423.330	385.236.736
Thuế nhập khẩu	124.293.412	305.652.230	429.945.642	-
Thuế bảo vệ môi trường	32.400.000	226.800.000	259.200.000	-
Khác	2.826.015.934	102.062.084	2.928.078.018	-
TỔNG CỘNG	85.001.580.952	1.172.498.443.727	1.187.382.471.617	70.117.553.062

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí lãi vay	11.552.613.269	8.817.791.716
Khác	-	182.746.675
TỔNG CỘNG	11.552.613.269	9.000.538.391

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Thù lao HĐQT, BKS và Ban thư ký HĐQT	3.155.147.900	3.158.035.756
Khác	3.678.915.160	2.605.725.052
TỔNG CỘNG	6.834.063.060	5.763.760.808

Trong đó:

Phải trả khác các bên khác

5.874.225.112

5.368.961.823

Phải trả khác các bên liên quan(Thuyết minh VII)

959.837.948

394.798.985

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	48.188.074.784	44.829.949.830
Giá trị thuần	48.188.074.784	44.829.949.830

Chi tiết tình hình tăng (giảm) Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND</i>
<i>Số đầu kỳ</i>	44.829.949.830	40.164.411.917
Cộng: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.559.398.107	22.782.168.548
Trừ: Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	(15.201.273.153)	(18.817.778.440)
<i>Số cuối kỳ</i>	48.188.074.784	44.128.802.025



TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU

ISO 9001

ISO 14001

ISO 50001

ISO 14067

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	5.575.532.782.806	5.916.794.599.033
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	6.568.141.655	8.757.522.207
Upass L/C	63.325.292.149	59.222.137.848
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 20)	-	55.685.663.962
CỘNG	5.645.426.216.610	6.040.459.923.050
Vay dài hạn		
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 20)	55.685.663.962	-
Vay ngân hàng	19.704.424.946	24.083.186.050
CỘNG	75.390.088.908	24.083.186.050
TỔNG CỘNG	5.720.816.305.518	6.064.543.109.100

	30/09/2026		01/01/2026	
	VND	USD	VND	USD
Vay và trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	5.645.426.216.610	36.422.409	6.040.459.923.050	-
Vay ngắn hạn ngân hàng - VND	4.626.451.626.729		5.916.794.599.033	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn	2.006.263.956.586		1.920.997.797.170	
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	1.239.767.327.780		2.232.430.367.788	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	173.311.801.481		-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	494.344.575.025		487.811.957.428	
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Sài Gòn	-		434.165.455.574	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	-		121.451.528.399	
Ngân hàng United Overseas - CN HCM	257.876.666.344		221.837.104.070	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	344.872.509.199		198.554.512.470	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	110.014.790.314		299.545.876.134	
Vay ngắn hạn ngân hàng - USD	949.081.156.077	36.422.409	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	871.741.232.838	33.487.530	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn	77.339.923.239	2.934.879	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	-		-	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	6.568.141.655		8.757.522.207	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	6.568.141.655		8.757.522.207	
Upass L/C	63.325.292.149		59.222.137.848	
Trái phiếu Chuyển đổi	-		55.685.663.962	
Vay và trái phiếu chuyển đổi dài hạn	75.390.088.908		24.083.186.050	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	19.704.424.946		24.083.186.050	
Trái phiếu Chuyển đổi	55.685.663.962		-	
TỔNG	5.720.816.305.518	36.422.409	6.064.543.109.100	-

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND từ 7.50%/năm đến 8.50%/năm. Lãi suất vay ngắn hạn ngân hàng bằng USD từ 3.50%/năm đến 4.20%/năm, Lãi suất vay dài hạn ngân hàng bằng VND từ 7.80%/năm đến 7.90%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU ISO 9001 ISO 14001 ISO 50001 ISO 14067

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá	Lãi suất danh nghĩa	Lãi suất chiết khấu	Cấu phần vốn	Cấu phần nợ
			(VND)	(%/năm)	(%/năm)	(VND)	(VND)
Ngày 01 tháng 01 năm 2026 và	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	55.685.663.962
Ngày 30 tháng 09 năm 2026							

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 10 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2028. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU.

21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Kỳ trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.721.863.431.412	3.708.577.565.367
Tăng vốn góp	344.073.410.000	-	-	-	-	-	344.073.410.000
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(458.764.920.000)	(458.764.920.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	195.164.012.850	195.164.012.850
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(22.782.168.548)	(22.782.168.548)
Khác	-	-	-	-	-	(3.158.035.756)	(3.158.035.756)
Tại ngày 30/09/2025	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.432.322.319.958	3.763.109.863.913
Kỳ này							
Tại ngày 01/01/2026	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.469.150.783.441	3.799.938.327.396
Cổ tức trả bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(149.098.851.000)	(149.098.851.000)
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(149.098.851.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	208.138.132.679	208.138.132.679
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(18.559.398.107)	(18.559.398.107)
Khác	-	-	-	-	-	(2.501.612.158)	(2.501.612.158)
Tại ngày 30/09/2026	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	149.098.851.000	3.430.602.730	1.358.030.203.855	3.837.916.598.810

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
<i>Vốn cổ phần</i>		
Số đầu kỳ	1.490.988.510.000	1.146.915.100.000
Tăng trong kỳ	-	344.073.410.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.490.988.510.000	1.490.988.510.000

21.3 Cổ phiếu

	30/09/2026 VND Số cổ phiếu	01/01/2026 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	149.098.851	149.098.851
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	149.098.851	149.098.851
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	149.098.851	149.098.851
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU

1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.281.564.225.263	11.904.100.488.819
Trong đó:		
Các bên khác	9.956.369.458.614	9.351.843.744.889
Các bên liên quan (Thuyết minh VII)	2.325.194.766.649	2.552.256.743.930
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.649.236.801	12.274.216.443
Doanh thu thuần	12.278.914.988.462	11.891.826.272.376
Trong đó:		
Các bên khác	9.953.802.305.956	9.339.569.528.446
Các bên liên quan (Thuyết minh VII)	2.325.112.682.506	2.552.256.743.930

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	199.716.408.134	158.653.639.240
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	13.527.045.155	91.138.670.179
TỔNG CỘNG	213.243.453.289	249.792.309.419

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11.437.284.199.878	11.101.398.239.720
TỔNG CỘNG	11.437.284.199.878	11.101.398.239.720

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND</i>
Chi phí lãi vay	280.188.516.205	196.535.769.142
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	19.122.380.035	87.936.062.687
TỔNG CỘNG	299.310.896.240	284.471.831.829

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND</i>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	237.504.326.175	272.327.844.686
Chi phí lương nhân viên	37.972.771.935	40.254.736.722
Chi phí quảng cáo	44.993.493.302	32.666.298.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.920.621.561	99.781.792.887
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.062.400.043	4.489.511.143
TỔNG CỘNG	427.453.613.016	449.520.183.775

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.344.748.108	26.842.183.218
Chi phí nhân viên	33.626.638.108	31.422.779.338
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.844.951.517	3.077.919.669
Hoàn nhập (trích lập) nợ phải thu khó đòi	(2.043.793.470)	1.006.744.999
TỔNG CỘNG	63.772.544.263	62.349.627.224

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Thu nhập khác	5.090.737.419	5.297.336.889
Thu nhập từ bán phế liệu	2.708.471.003	4.227.458.764
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	609.943.186	-
Khác	1.772.323.230	1.069.878.125
Chi phí khác	4.285.494.966	674.421.258
Chi phí từ thanh lý phế liệu	-	312.136.803
Tiền phạt thuế	7.007.569	362.284.455
Khác	4.278.487.397	-
Lợi nhuận khác	805.242.453	4.622.915.631

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	69.726.401.438	24.313.181.671
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(12.722.103.310)	29.024.420.357
Chi phí thuế TNDN	57.004.298.128	53.337.602.028

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025
Tôn Đông Á Long An	Công ty con	Bán hàng	1.017.279.351.738	1.309.111.392.046
		Mua dịch vụ	8.929.406.614	1.739.308.500
		Mua hàng	1.128.322.674.816	82.433.600
Tôn Đông Á Bắc Ninh	Công ty con	Bán hàng	602.336.920.101	670.133.000.553
Tôn Đông Á Đà Nẵng	Công ty con	Bán hàng	442.693.685.867	496.361.416.579
Logistics Hưng Việt	Công ty con	Bán hàng	93.000	-
		Mua dịch vụ	134.216.733.492	103.414.699.116
		Bán dịch vụ	1.560.000.000	1.440.000.000
		Công ty con chi hộ cho công ty mẹ	5.175.309.454	3.938.102.088
		Góp vốn	-	7.400.000.000
		Ký quỹ, ký cược	-	450.000.000
Đông Á Phú Mỹ	Công Ty con	Góp vốn	375.000.000.000	95.000.000.000
Đông Á Phú Mỹ 1	Công Ty con	Cho vay	59.000.000.000	-
		Lãi vay	1.444.394.521	-
		Góp vốn	-	110.000.000.000
		Bán hàng	171.659.592.014	5.566.262.954
		Mua hàng	165.505.245.417	-
		Mua dịch vụ	3.546.707.607	266.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đông Á	Công Ty con	Mua dịch vụ	240.000.000	
		Góp vốn	300.000.000.000	-
		Cho vay	577.094.700.000	-
		Lãi vay	4.704.775.166	-
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	89.343.039.786	69.776.290.484
		Mua hàng	3.491.535.396.364	2.500.597.094.881
Công ty TNHH KT Và TM Khang Việt	Bên liên quan Thành viên BKS	Mua hàng	2.807.090.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 30/09/2026	Tại ngày 01/01/2026
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Tôn Đông Á Long An	Công ty con	Bán hàng	69.648.337.380	290.278.932.585
Tôn Đông Á Bắc Ninh	Công ty con	Bán hàng	73.051.450.515	111.215.441.709
Tôn Đông Á Đà Nẵng	Công ty con	Bán hàng	100.365.012.724	127.650.215.436
Đông Á Phú Mỹ 1	Công ty con	Bán hàng	14.879.889.099	6.012.258.421
Logistics Hưng Việt	Công ty con	Mua hàng	100.440	-
TỔNG CỘNG			257.944.790.158	535.156.848.151
Cho vay				
Đông Á Phú Mỹ 1	Công ty con	Vay	59.000.000.000	-
		Lãi vay	371.205.480	-
Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đông Á	Công ty con	Vay	431.555.000.000	-
		Lãi vay	2.432.573.151	-
TỔNG CỘNG			493.358.778.631	-
Phải thu dài hạn khác				
Logistics Hưng Việt	Công ty con	Ký quỹ, ký cược	4.590.000.000	4.590.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	65.297.060	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Logistics Hưng Việt	Công ty con	Mua dịch vụ	9.074.362.097	11.083.972.957
Tôn Đông Á Long An	Công ty con	Mua hàng-dịch vụ	6.725.324.983	173.449.980
Đông Á Phú Mỹ 1	Công ty con	Mua dịch vụ	2.670.723.895	296.800.484
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	1.602.689.046.615	900.758.510.966
Công ty TNHH KT Và TM Khang Việt	Bên liên quan thành viên BKS	Mua hàng	223.803.000	-
TỔNG CỘNG			1.621.383.260.590	912.312.734.387
Phải trả khác ngắn hạn				
Logistics Hưng Việt	Công ty con	Chi hộ	959.837.948	394.798.985

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	1.980.000.000	180.100.000
Ông Hồ Song Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	306.053.775	1.635.146.364
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.795.926.482	1.704.014.568
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	1.511.550.801	1.556.213.805
Ông Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	1.409.379.943	565.285.601
Ông Lâm Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.473.871.666	591.587.749
Ông Đỗ Hữu Văn	Phó Tổng Giám đốc	1.457.735.280	595.732.424
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT	85.995.671	1.002.122.635
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	267.100.000	17.100.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	59.000.000	9.000.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Hoàng Duy Nhất	Trưởng BKS từ ngày 29/05/2026	30.000.000	-
Bà Bùi Thụy Diễm Trang	Thành viên BKS từ ngày 29/05/2026	-	-
Ông Nguyễn Mai Ngọc Dung	Thành viên BKS từ ngày 29/05/2026	-	-
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng BKS Đến ngày 29/05/2026	30.000.000	-
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên BKS Đến ngày 29/05/2026	10.000.000	-
TỔNG CỘNG		10.496.613.618	7.856.303.146

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Người lập
(Ký, họ tên)

ĐS

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lê Xuân

Trần Lê Xuân

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước